

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 951/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 12, ngày 22 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 711/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N, sinh năm 1994

Thường trú: 3/48, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Thường trú: 3/48, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự kết hôn hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2016 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A cấp ngày 11/4/2016), việc các bên yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Việc các bên thỏa thuận về nuôi con; Xác định không có tài sản chung và nghĩa vụ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 8 năm 2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực giấy chứng nhận kết hôn số 39/2016 ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực.

- Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N và ông Nguyễn Văn T xác định có 01 (một) con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/02/2017. Hai bên thoả thuận, ông Nguyễn Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con bắt đầu thực hiện từ tháng 09 năm 2023.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền và lợi ích của con chung, sau này một hoặc hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N và ông Nguyễn Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N và ông Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Huỳnh Tuyết N và ông Nguyễn Văn T mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai thu số AA/2023/0030326 ngày 03/7/2023. Bà N và ông T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo